

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **30/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/8/2020

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Bà Thái Thị Dung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị S** – sinh năm 1981; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Trung L** – sinh năm 1979; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/12/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Trần Thị S trình bày: Tôi và ông Nguyễn Trung L tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng năm

năm 2001 đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tư tưởng trong cuộc sống, tôi đã nhiều lần cố gắng nhường nhịn, bỏ qua để cho gia đình hạnh phúc nhưng khi tôi càng cố gắng thì càng không thể đem lại hạnh phúc có khi càng trầm trọng hơn, từ đó dẫn đến ly thân không ai quan tâm đến ai nữa, phận ai nấy ở và cũng không có hướng trở về đoàn tụ.

Bản thân tôi nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không đạt mục đích nên tôi quyết định ly hôn. Mong Tòa xem xét theo nguyện vọng của tôi.

Về con chung: 03 đứa, 01 đã trưởng thành. Còn Nguyễn Trung Tiến, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Mai T1, sinh ngày 22/5/2012 hiện đang ở với tôi. Tôi yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, để tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Trung L đã được Tòa án nhân dân huyện T liên hệ nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng ông không đến Tòa, cho nên Tòa án không ghi được lời khai của ông L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

-Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị S. Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Trung L.

- Về con chung: Giao cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung: Nguyễn Trung Tiến, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Mai T1, sinh ngày 22/5/2012 đến khi trưởng thành;

- Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trung L đã được Tòa án liên hệ nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng ông không đến Tòa. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông L, do ông L vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Trung L được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông L bài bạc, gây nợ, không có trách nhiệm với vợ con, bất đồng quan điểm sống, ông L đã tự bỏ đi khỏi địa phương làm ăn xa, không chăm lo đời sống gia đình con cái và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, con cái do một mình bà S chăm lo. Bà không còn tình cảm với ông L nữa nên kiên quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Trung L.

Ông L không hợp tác khi Tòa mời làm việc, ông có biết bà S làm đơn ly hôn ông nhưng ông bỏ mặc không quan tâm gì đến ý kiến của bà S hay quyền lợi của mình, thực tế bà S và ông L đã ly thân nhau một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng không thể hàn gắn được, ông L đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung. Chứng tỏ, cuộc sống vợ chồng bà S và ông L đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà S được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà và ông L có 03 đứa, 01 đứa đã trưởng thành. Còn Nguyễn Trung T và Nguyễn Mai T1, hiện đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con. Xét thấy, hiện bà S là người trực tiếp nuôi con từ khi bà S và ông L ly thân nhau, ông L không có nghĩa vụ đối với con cái, nay bà xin tiếp tục nuôi con và xin cam đoan sẽ lo cho các con một sống đầy đủ về mọi mặt cả thể chất lẫn tinh thần và nguyện nguyện các con cũng đồng ý với bà, vì vậy giao các con chung cho bà S nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp hơn.

Về cấp dưỡng: Bà S không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết;

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án nên bà S phải chịu án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị S. Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Trung L.

[3] Về con chung: Giao cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung: Nguyễn Trung T, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Mai T1, sinh ngày 22/5/2012 đến khi trưởng thành;

Bà S không được cản trở ông L việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[4] Về án phí: bà Trần Thị S phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà S đã 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0029864 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bà S đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (Thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Văn Lầy

